

## KẾ HOẠCH

### Triển khai thực hiện Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh An Giang

Căn cứ Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Quyết định 2259/QĐ-BTTTT ngày 07/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Chiến lược phát triển ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 699/QĐ-BTTTT ngày 03/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Phê duyệt Kế hoạch hành động năm 2024 triển khai Chiến lược phát triển ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030;

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh An Giang, cụ thể như sau:

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1. Mục đích

Cụ thể hóa và triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ tại Quyết định số 142/QĐ-TTg trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế của tỉnh.

Triển khai xây dựng, củng cố hạ tầng dữ liệu của tỉnh. Xây dựng các cơ sở dữ liệu của của tỉnh song hành với triển khai các nền tảng số dịch vụ công. Xây dựng các nền tảng số phân tích, xử lý dữ liệu phục vụ việc thu thập, tổng hợp, phân tích dữ liệu trên cơ sở kế thừa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đã triển khai tại địa phương đảm bảo tránh đầu tư trùng lặp, tận dụng được tối đa nguồn dữ liệu sẵn có, phục vụ khai thác hiệu quả dữ liệu và cung cấp thông tin về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội trong phạm vi quản lý của tỉnh.

Xây dựng, triển khai các mô hình trí tuệ nhân tạo trong phát triển chính quyền số; kết hợp khai thác sử dụng dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) đối với các thủ tục hành chính có đủ điều kiện cung cấp trực tuyến, nâng cao hiệu quả của bộ

máy hành chính nhà nước và cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp.

## **2. Yêu cầu**

a) Lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội tham gia thu thập, xây dựng, phát triển, khai thác, sử dụng và làm giàu dữ liệu. Nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, tiên phong kết nối, chia sẻ dữ liệu.

b) Đổi mới phương thức chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước, xây dựng nền hành chính chủ động tương tác với người dân, doanh nghiệp dựa trên dữ liệu; chuyển đổi nhận thức từ tra cứu dữ liệu sang xây dựng, cập nhật, tái sử dụng dữ liệu; từ sở hữu riêng dữ liệu sang chia sẻ, tích hợp dữ liệu sử dụng chung và cùng hưởng các lợi ích mà dữ liệu mang lại; việc kế thừa, chia sẻ, tích hợp, tái sử dụng và phát huy tối đa hiệu quả của dữ liệu là quyền, trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương.

c) Phát triển, sử dụng dữ liệu phải đi đôi với đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân. Khai thác, sử dụng dữ liệu phải đảm bảo nguyên tắc bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của người dân, doanh nghiệp và các chủ thể liên quan.

d) Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các giải pháp trí tuệ nhân tạo trong quản lý đô thị, quản lý xã hội và hành chính công; thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số.

## **II. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030**

### **1. Phát triển hạ tầng dữ liệu**

Xây dựng, củng cố hạ tầng dữ liệu của tỉnh; triển khai nâng cấp, hoàn thiện Trung tâm dữ liệu tỉnh đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia và các văn bản hướng dẫn liên quan.

### **2. Phát triển dữ liệu phục vụ chính quyền số**

a) Các cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành (ngoại trừ các cơ sở dữ liệu nghiệp vụ đặc thù) được xây dựng, sử dụng lại có nhu cầu kết nối, khai thác, tích hợp, chia sẻ thông tin với các cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc nhu cầu kết nối, chia sẻ thông tin với nhau, được đáp ứng 100% yêu cầu thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh.

b) 100% cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh mở và cung cấp dữ liệu mở đảm bảo chất lượng (không trùng lặp, dư thừa, không tổn công sức và chi phí để xử lý lại dữ liệu, hoặc thu thập lại dữ liệu).

c) 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa; tối thiểu 80% dữ liệu về kết quả thực hiện các thủ tục hành chính được tái sử dụng, chia sẻ theo quy định (ngoại trừ các cơ sở dữ liệu nghiệp vụ đặc thù).

d) Tích hợp kết quả xử lý công việc của cán bộ, công chức, viên chức vào phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc của từng đơn vị; tỷ lệ áp dụng dữ liệu trong phục vụ quản lý điều hành công việc trên môi trường số, trong kiểm tra,

đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức đạt tối thiểu 70%. 100% các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã ứng dụng Hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động tĩnh và kết nối Hệ thống thông tin báo cáo của các bộ, ngành và của Văn phòng Chính phủ khi có yêu cầu.

### **3. Phát triển dữ liệu phục vụ kinh tế số, xã hội số**

a) Xây dựng và hoàn thành 100% các bộ dữ liệu ngành nông nghiệp gồm: dữ liệu đất đai, cây trồng, vật nuôi, thủy hải sản cho các vùng sản xuất nông nghiệp.

b) Hình thành dữ liệu của toàn bộ chuỗi quy trình sản xuất, kinh doanh, chế biến, quản lý giám sát nguồn gốc, cung ứng các sản phẩm nông nghiệp quan trọng, sản phẩm OCOP đảm bảo việc cung cấp thông tin minh bạch, chính xác trong truy xuất nguồn gốc, xuất xứ sản phẩm.

c) Xây dựng và hoàn thành 100% các bộ dữ liệu ngành công nghiệp, thương mại và năng lượng, bao gồm: dữ liệu về mạng lưới sản xuất, truyền tải, tiêu thụ điện trên địa bàn tỉnh phục vụ việc vận hành tối ưu hệ thống điện, hiện đại hóa hệ thống điều độ, vận hành, thông tin liên lạc, điều khiển và tự động hóa phục vụ điều độ lưới điện trên địa bàn tỉnh và liên kết khu vực; dữ liệu trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, mạng lưới, chuỗi cung ứng sản xuất cơ bản trong các hoạt động công nghiệp từ nguyên liệu thô tới thành phẩm thương mại; dữ liệu về các trung tâm logistics, vận chuyển, kho bãi; dữ liệu về thị trường thương mại, hành vi tiêu dùng, nhu cầu quảng cáo của các nhãn hàng trên thị trường nhằm tối ưu hóa quá trình sản xuất, tiêu thụ hàng hóa của các đơn vị sản xuất, xây dựng các kênh phân phối hàng hóa hiệu quả và giám sát chặt chẽ nhu cầu thị trường...

d) 90% các di sản văn hóa, di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt được số hóa, lưu trữ đầy đủ dữ liệu và hình thành thư viện số, di sản số, có hiện diện số trên môi trường mạng để mọi người dân, khách du lịch có thể truy cập, tra cứu tìm hiểu thuận lợi trên môi trường số; 100% các danh lam thắng cảnh, địa điểm du lịch trên địa bàn tỉnh được hoàn thành việc số hóa, lưu trữ và chia sẻ thông tin rộng rãi, kết hợp xây dựng các nền tảng số du lịch đồng bộ để quảng bá, phát triển du lịch Việt Nam, đưa du lịch thực sự là ngành kinh tế mũi nhọn, phát triển bền vững.

đ) Hoàn thiện 100% cơ sở dữ liệu về bảo hiểm xã hội cho người lao động. Dữ liệu chuẩn hóa sổ lao động điện tử, tích hợp với dữ liệu về học tập suốt đời, dữ liệu về đào tạo nghề (bao gồm cả đào tạo tại trường và đào tạo, tích lũy kinh nghiệm làm việc tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) của người lao động được triển khai, hoàn thiện cho 100% người lao động đóng bảo hiểm xã hội.

e) 100% các bộ dữ liệu mở về lực lượng, thị trường lao động việc làm, nhu cầu tuyển dụng lao động và yêu cầu trình độ, kỹ năng tương ứng được cung cấp và đảm bảo cập nhật chính xác, kịp thời.

g) Kho học liệu về giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập ngành giáo dục được số hóa, tích hợp với các nền tảng dạy và học trực tuyến đảm bảo hỗ trợ được cho 100% người học và nhà giáo tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến; đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho toàn bộ chương trình giáo dục phổ thông.

h) 100% dữ liệu không gian địa lý ngành Tài nguyên và Môi trường được số hóa, chuẩn hóa và liên thông, chia sẻ cho các cơ quan nhà nước... dưới dạng dịch vụ bản đồ và có thể chia sẻ cho các hệ thống thông tin của những lĩnh vực có sử dụng dịch vụ dữ liệu không gian địa lý kết nối, khai thác sử dụng.

i) 100% dữ liệu giám sát, quan trắc tự động việc xả thải của các khu công nghiệp, các điểm nóng về ô nhiễm môi trường được đảm bảo đáp ứng nhu cầu kết nối về trung tâm giám sát tập trung của ngành Tài nguyên và Môi trường theo thời gian thực, phục vụ việc phân tích đưa ra các cảnh báo khi có nguy cơ về sự cố môi trường.

k) 100% dữ liệu về hạ tầng giao thông công cộng và phương tiện giao thông, dữ liệu về kho, bãi và các trung tâm logistics được số hóa, cập nhật kịp thời, hỗ trợ giải quyết tốt những vấn đề khó khăn, vướng mắc của ngành giao thông và đáp ứng được nhu cầu xây dựng chuỗi cung ứng giao nhận - kho vận và logistics.

l) 95% các dữ liệu về y tế được xây dựng, tổ chức phù hợp với định hướng phân cấp quản lý để phát triển, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành y tế.

m) Xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ công tác điều hành kinh tế - xã hội của UBND tỉnh (*Phụ lục I kèm theo*). Ứng dụng Hệ thống tổng hợp, phân tích dữ liệu kết hợp trí tuệ nhân tạo giúp UBND tỉnh điều hành kịp thời, linh hoạt đối với từng tình huống cụ thể theo các kịch bản điều hành kinh tế - xã hội.

#### **4. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng**

100% các cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành và cơ sở dữ liệu quan trọng của tỉnh được triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ và mô hình bảo vệ 4 lớp, đồng thời triển khai các hoạt động bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin theo quy định của pháp luật về an ninh mạng.

#### **5. Thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo**

a) Kết hợp khai thác sử dụng dữ liệu và ứng dụng AI đối với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; 100% dịch vụ công toàn trình có ứng dụng AI hỗ trợ trực tuyến người dân.

b) 100% đô thị có ứng dụng AI giải quyết ít nhất 1 vấn đề bức thiết của xã hội tại đô thị.

c) 100% Cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh mở dữ liệu và có dữ liệu mở theo đúng quy định trên cổng dữ liệu mở của tỉnh, cổng dữ liệu quốc gia, để phục vụ phát triển AI ứng dụng cho kinh tế số, xã hội số.

d) Xây dựng, triển khai các mô hình AI trong phát triển chính quyền số; ứng dụng AI kết hợp CSDL chuyên ngành phát huy hiệu quả công tác quản lý, dự báo; khai thác hiệu quả các hệ thống AI do các bộ, ngành Trung ương triển khai đến các địa phương.

### **III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM**

#### **1. Xây dựng quy chế, quy định**

1.1. Thực hiện rà soát, bổ sung, sửa đổi Danh mục dữ liệu mở của ngành, lĩnh vực, địa phương; triển khai xây dựng và cung cấp dữ liệu mở cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân tra cứu, khai thác sử dụng phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.

Nội dung thực hiện:

*a) Sở, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố.*

- Chủ trì đề xuất danh mục dữ liệu mở của cơ quan, địa phương.
- Xây dựng, hoàn thiện dữ liệu liên quan để cung cấp dữ liệu mở theo Danh mục đã ban hành.

*b) Sở Thông tin và Truyền thông*

- Làm đầu mối tổng hợp, rà soát thống nhất với các sở, ngành, địa phương đảm bảo sự thống nhất, tránh chồng chéo và trình UBND tỉnh, thành phố phê duyệt, ban hành Danh mục dữ liệu mở của địa phương và quy định về lộ trình cung cấp dữ liệu mở phù hợp với hiện trạng xây dựng dữ liệu của cơ quan, địa phương.

- Hằng năm, theo dõi, rà soát, phối hợp các cơ quan, địa phương trình UBND tỉnh phê duyệt cập nhật bổ sung danh mục dữ liệu mở của địa phương và xây dựng kế hoạch tổng thể, phương án triển khai dữ liệu mở.

- Lựa chọn, đề xuất mở các loại dữ liệu có tác động lớn tới phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu, phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển của tỉnh (tập trung vào các lĩnh vực về du lịch, nông nghiệp, y tế, giáo dục để thí điểm dữ liệu mở, sau đó nhân rộng cách làm ra cho các lĩnh vực khác).

1.2. Ban hành Danh mục dữ liệu lớn và Kế hoạch phát triển dữ liệu lớn thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

Nội dung thực hiện:

*a) Sở, ban, ngành tỉnh*

Rà soát danh mục dữ liệu lớn của ngành đã được bộ chủ quản ban hành, kết hợp với việc rà soát các dữ liệu đặc thù của địa phương để đề xuất danh mục dữ liệu lớn của sở, ban, ngành mình; Tham vấn ý kiến chuyên môn của bộ chuyên quản trong trường hợp cần thiết; Trình báo cáo danh mục dữ liệu lớn đề xuất của lĩnh vực chuyên quản đến UBND tỉnh xem xét.

*b) Sở Thông tin và Truyền thông*

- Tổng hợp, rà soát, trình UBND tỉnh phê duyệt, ban hành Danh mục dữ liệu lớn của địa phương và Kế hoạch phát triển dữ liệu lớn, lộ trình thu thập, phát triển dữ liệu lớn phù hợp với hiện trạng phát triển dữ liệu của tỉnh.

- Quá trình tổng hợp, rà soát cần lưu ý làm việc, thống nhất với các sở, ban, ngành để tránh xung đột, chồng chéo trên nguyên tắc chia sẻ, sử dụng chung tối đa dữ liệu đã được tạo lập, tránh chồng chéo, lãng phí (ví dụ: dữ liệu GIS về đất đai thực trạng ở một số địa phương còn có sự xung đột, chồng chéo khi cả ngành tài nguyên môi trường cũng làm, ngành xây dựng cũng làm, thậm chí cả ngành

nông nghiệp cũng tham gia. Thống nhất nguồn lực giao cho 01 đầu mỗi chủ trì, điều phối công tác thu thập, phát triển dữ liệu, sau đó chia sẻ, phân quyền cho các sở, ngành có liên quan, cho UBND các cấp cùng khai thác sử dụng chung dữ liệu).

1.3. Xây dựng và ban hành quy chuẩn đối với từng loại dữ liệu thuộc danh mục dữ liệu lớn của ngành, lĩnh vực, địa phương; quy định kỹ thuật về cấu trúc dữ liệu, quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu của các cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

Nội dung thực hiện:

*a) Sở, ban, ngành tỉnh*

- Áp dụng quy chuẩn dữ liệu cho các dữ liệu lớn do bộ chủ quản ban hành đối với loại dữ liệu thuộc danh mục dữ liệu chuyên ngành. Đối với các bộ dữ liệu lớn theo đặc thù riêng của tỉnh cần bổ sung các quy chuẩn khác ngoài quy chuẩn của bộ chủ quản thì sở, ban, ngành tham mưu đề xuất và phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông để trình ban hành quy chuẩn dữ liệu, gửi xin ý kiến các bộ chủ quản trong trường hợp cần thiết để đảm bảo việc có thể đồng bộ, chia sẻ sử dụng chung dữ liệu.

- Đối với các dữ liệu chuyên ngành khác, các sở, ban, ngành chủ trì (thực hiện theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông và quy định chuyên ngành), ban hành quy định kỹ thuật về cấu trúc dữ liệu, quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu trước khi triển khai các hệ thống thông tin.

*b) Sở Thông tin và Truyền thông*

Làm đầu mối, trình UBND tỉnh ban hành quy chế khai thác, sử dụng và cập nhật các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của tỉnh, đảm bảo dữ liệu luôn “đúng - đủ - sạch - sống”.

## **2. Phát triển hạ tầng dữ liệu**

2.1. Triển khai Cổng dữ liệu của tỉnh theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP của Chính phủ, tích hợp với Cổng dữ liệu quốc gia. Tận dụng tối đa cơ sở hạ tầng mạng triển khai Chính quyền số sẵn có tại tỉnh; ưu tiên sử dụng phương án thuê dịch vụ trong quá trình triển khai xây dựng Cổng dữ liệu.

Nội dung thực hiện:

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương rà soát, đánh giá đầy đủ, chính xác hiện trạng hạ tầng mạng Chính quyền số hiện có của tỉnh trước khi triển khai cổng Dữ liệu cũng như các hoạt động khác về ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng cơ sở dữ liệu. Qua đó tham mưu cho UBND tỉnh hoàn thiện hạ tầng dữ liệu.

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan trình UBND tỉnh phương án đầu tư hoặc thuê dịch vụ hạ tầng phù hợp, phục vụ vận hành cơ sở dữ liệu, tận dụng hiệu quả hiện trạng hạ tầng hiện có, tiết kiệm chi phí, đồng thời đảm bảo an ninh, an toàn dữ liệu theo quy định và trình UBND tỉnh, thành phố phê duyệt, ban hành phương án triển khai, xây dựng và hoàn thiện Cổng dữ liệu địa phương.

- Căn cứ theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, triển khai việc kết nối Cổng dữ liệu của tỉnh với Cổng dữ liệu quốc gia.

2.2. Xây dựng và củng cố, hoàn thiện các hạ tầng thu thập và truyền tải dữ liệu tại tỉnh. Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai Chính quyền số gắn kết với phát triển đô thị thông minh, giao thông thông minh, nông nghiệp thông minh, quản lý tài nguyên, môi trường,... tại tỉnh; kết hợp tối đa với hạ tầng do các tổ chức, cá nhân đã đầu tư, bảo đảm triển khai hiệu quả, tránh chồng chéo, lãng phí.

Nội dung thực hiện:

*a) Sở Thông tin và Truyền thông*

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, tiến hành đánh giá đầy đủ hiện trạng hạ tầng thu thập và truyền tải dữ liệu, hạ tầng Internet vạn vật (IoT), hạ tầng dữ liệu đã đầu tư của các tổ chức, cá nhân, cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu, đề xuất kế hoạch xây dựng, củng cố, hoàn thiện, phát triển hạ tầng thu thập và truyền tải dữ liệu, hạ tầng Internet vạn vật (IoT) của trình UBND tỉnh ban hành kế hoạch và lộ trình thực hiện đến 2030 cho việc xây dựng, củng cố, hoàn thiện, phát triển hạ tầng thu thập và truyền tải dữ liệu, hạ tầng Internet vạn vật (IoT) của tỉnh.

*b) Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã*

- Ưu tiên tích hợp phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) khi xây dựng quy hoạch, lập kế hoạch về đầu tư, nâng cấp các cơ sở hạ tầng dùng chung của địa phương, đảm bảo phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành, quản lý, giám sát tại địa phương.

- Đảm bảo có lộ trình hoàn thành kế hoạch của UBND tỉnh theo đúng thời hạn.

2.3. Duy trì việc kết nối Nền tảng điện toán đám mây của tỉnh với Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ theo mô hình do Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn đồng thời kết nối với đám mây của các doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ Chính quyền số để đảm bảo việc lưu trữ, liên thông chia sẻ dữ liệu sử dụng chung của tỉnh.

Nội dung thực hiện:

- Sở Thông tin và Truyền thông cụ thể hóa mô hình kết nối Nền tảng điện toán đám mây của các cơ quan nhà nước tại tỉnh với Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và trình UBND tỉnh phê chuẩn việc áp dụng mô hình kết nối cụ thể theo tình hình thực tế tại tỉnh (Bộ Thông tin và Truyền thông đã có hướng dẫn bộ tiêu chí, chỉ tiêu kỹ thuật để đánh giá và lựa chọn giải pháp nền tảng điện toán đám mây phục vụ Chính phủ điện tử/Chính quyền điện tử tại Công văn số 1145/BTTTT-CATTT ngày 03/4/2020; và bổ sung bộ tiêu chí, chỉ tiêu để đánh giá và lựa chọn giải pháp nền tảng điện toán đám mây phục vụ Chính phủ điện tử/Chính quyền điện tử tại Công văn số 2612/BTTTT-CATTT ngày 17/7/2021; Bộ Thông tin và Truyền thông đã đánh

giá, công bố danh sách doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây đáp ứng yêu cầu sử dụng của cơ quan nhà nước; ...).

### **3. Phát triển dữ liệu**

3.1. Thu thập, củng cố và hoàn thiện dữ liệu chủ, cơ sở dữ liệu dùng chung trong cơ sở dữ liệu của tỉnh, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ ứng dụng dịch vụ Chính quyền số trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Nội dung thực hiện:

#### *a) Sở Thông tin và Truyền thông*

- Căn cứ theo Nghị định 47/2020/NĐ-CP và các văn bản liên quan, tham mưu UBND tỉnh ban hành Danh mục dữ liệu chủ - dữ liệu dùng chung của tỉnh.

- Tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành quy chế khai thác, sử dụng, chia sẻ dữ liệu dùng chung của tỉnh. Quy chế này đảm bảo hai yếu tố:

(i) Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã khi tham gia phải có nghĩa vụ cập nhật thường xuyên dữ liệu theo danh mục vào cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh.

(ii) Cơ sở dữ liệu dùng chung phải được sử dụng đúng mục đích phục vụ ứng dụng dịch vụ Chính quyền số trong cơ quan nhà nước của tỉnh.

#### *b) Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã*

- Chủ động rà soát, cập nhật, hoàn thiện dữ liệu chủ, các cơ sở dữ liệu dùng chung theo đúng Danh mục dữ liệu chủ - dữ liệu dùng chung do UBND tỉnh ban hành.

- Cập nhật thường xuyên dữ liệu theo danh mục vào cơ sở dữ liệu dùng chung của địa phương.

3.2. Xây dựng, cung cấp nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu cấp tỉnh để lưu trữ tập trung, hướng tới việc hình thành kho dữ liệu dùng chung của tỉnh phục vụ công tác chỉ đạo điều hành và phát triển kinh tế xã hội.

Nội dung thực hiện:

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì đề xuất tham mưu cho UBND tỉnh phê duyệt danh mục các nền tảng số tổng hợp, phân tích dữ liệu, để phục vụ công tác chỉ đạo điều hành và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trên cơ sở các nguyên tắc:

(i) Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung cấp tỉnh lưu trữ dữ liệu tập trung trên quy mô toàn tỉnh, bao gồm dữ liệu phi cấu trúc và dữ liệu có cấu trúc từ nhiều nguồn; từ đó tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu, trước hết là phục vụ kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu để phát triển Chính phủ số, sau đó là để xử lý, phân tích, tạo ra các giá trị mới phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số.

(ii) Việc triển khai Nền tảng số gắn liền với công tác quản lý, thu thập, tổng hợp và chia sẻ dữ liệu; gắn với với hoạt động nghiệp vụ của các cơ quan nhà nước; gắn với việc giải quyết các bài toán kinh tế - xã hội thực tiễn tại địa phương.

(iii) Xác định rõ mục tiêu và yêu cầu cụ thể cho mỗi nền tảng, bao gồm việc xác định trước các bài toán kinh tế - xã hội thực tiễn tại tỉnh cần giải quyết thông

qua tổng hợp, phân tích dữ liệu. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và nhận diện các nguồn dữ liệu quan trọng mà tỉnh có thể thu thập, bao gồm dữ liệu nội bộ và dữ liệu từ bên ngoài; xác định các nguồn dữ liệu còn chưa được tổ chức, lưu trữ để từng bước tạo tập, quản lý và hình thành nguồn dữ liệu mới.

- Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu đề xuất UBND tỉnh phương án xây dựng hình thành, hoặc nâng cấp, củng cố hoàn thiện kho dữ liệu dùng chung phục vụ trực tiếp công tác chỉ đạo điều hành và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và trình UBND tỉnh phê duyệt và ban hành kế hoạch xây dựng, phát triển kho dữ liệu dùng chung và lộ trình cung cấp các nền tảng số tổng hợp, phân tích dữ liệu cấp tỉnh phục vụ trực tiếp công tác chỉ đạo điều hành và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3.3. Phát triển nguồn dữ liệu lớn và các giải pháp quản lý dữ liệu tập trung của tỉnh. Thu thập và khai thác, làm giàu nguồn dữ liệu lớn phát sinh trong các hoạt động của tỉnh.

Nội dung thực hiện:

*a) Sở Thông tin và Truyền thông*

- Chủ trì nghiên cứu đề xuất phương án xây dựng hồ dữ liệu của tỉnh (xây dựng mới hoặc trên cơ sở phát triển Kho cơ sở dữ liệu dùng chung) để đảm bảo yêu cầu phát triển dữ liệu lớn của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành chủ động thu thập, tạo lập, làm giàu và quản lý đầy đủ, chính xác các dữ liệu chuyên ngành phục vụ phát triển dữ liệu lớn của tỉnh và đảm bảo phù hợp với chỉ đạo, định hướng của các Bộ quản lý chuyên ngành (nếu có).

*b) Sở, ban, ngành tỉnh*

Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông thập, tạo lập, làm giàu và quản lý đầy đủ, chính xác các dữ liệu chuyên ngành phục vụ phát triển dữ liệu lớn của tỉnh và đảm bảo phù hợp với chỉ đạo, định hướng của các Bộ quản lý chuyên ngành (nếu có).

3.4. Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định; thu thập, phát triển dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành của lãnh đạo các cấp.

Nội dung thực hiện:

*a) Văn phòng UBND tỉnh*

Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo Nội dung thực hiện công tác số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính của địa phương theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ và các quy định pháp luật có liên quan.

*b) Sở Thông tin và Truyền thông*

Phối hợp Văn phòng UBND tỉnh triển khai thu thập đầy đủ số liệu đã số hóa sẵn sàng phục vụ cho công tác chỉ đạo điều hành của địa phương

*c) Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã*

Nội dung thực hiện công tác số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính của địa phương theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ và các quy định pháp luật có liên quan.

#### **4. Phát triển kết nối, chia sẻ dữ liệu**

4.1. Hoàn thiện nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh kết nối liên thông với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia.

Nội dung thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông làm đầu mối rà soát, theo dõi, kịp thời đề xuất UBND tỉnh các giải pháp phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh đảm bảo yêu cầu kết nối liên thông với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Công văn số 677/BTTTT-THH ngày 03/3/2022 về việc hướng dẫn kết nối và chia sẻ dữ liệu thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia.

4.2. Hợp tác xây dựng các bộ dữ liệu lớn theo vùng, miền để cùng tích hợp, chia sẻ, tận dụng tài nguyên dữ liệu dùng chung cho các tỉnh, thành phố thuộc vùng, miền có những đặc trưng và lợi thế tương đồng. Thiết lập chuỗi giá trị trên cơ sở khai thác dữ liệu liên vùng để thúc đẩy phát triển kinh tế.

Nội dung thực hiện:

##### *a) Sở Thông tin và Truyền thông*

- Trên cơ sở quy hoạch tỉnh, quy hoạch vùng đã được phê duyệt tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch hợp tác với các địa phương trong vùng kinh tế xã hội để phối hợp xây dựng các bộ dữ liệu lớn vùng.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh chủ động nghiên cứu, đề xuất các nội dung, dữ liệu của tỉnh có khả năng cung cấp, đồng thời phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông các địa phương liên quan hợp tác, nghiên cứu đề xuất xây dựng các bộ dữ liệu lớn vùng, miền, các cơ sở dữ liệu vùng, lồng ghép trong các chương trình, kế hoạch hợp tác với các địa phương trong vùng kinh tế xã hội để hình thành các dữ liệu liên vùng.

##### *b) Sở, ban, ngành tỉnh*

Nghiên cứu, đề xuất các nội dung, dữ liệu của tỉnh có khả năng cung cấp, hợp tác, nghiên cứu đề xuất xây dựng các bộ dữ liệu lớn vùng, miền, các cơ sở dữ liệu vùng, lồng ghép trong các chương trình, kế hoạch hợp tác với các địa phương trong vùng kinh tế xã hội để hình thành các dữ liệu liên vùng.

4.3. Chia sẻ dữ liệu lớn của tỉnh với các bộ, ngành, các địa phương khác và từng bước đưa dữ liệu lớn vào ứng dụng trong mọi mặt của đời sống chính trị, kinh tế, xã hội của tỉnh.

Nội dung thực hiện:

##### *a) Sở Thông tin và Truyền thông*

- Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành tỉnh phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông chuẩn bị sẵn sàng phương án kết nối dữ liệu lớn của tỉnh với các trung tâm dữ liệu vùng, thực hiện chia sẻ dữ liệu lớn của tỉnh với các bộ, ngành và các địa phương khác.

- Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh chủ động tham mưu đề xuất UBND tỉnh phương án kết nối, khai thác, sử dụng hiệu quả các dữ liệu lớn được các bộ, ngành, các địa phương khác chia sẻ để ứng dụng vào mọi mặt của đời sống chính trị, kinh tế, xã hội của địa phương.

*b) Sở, ban, ngành tỉnh*

Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu đề xuất UBND tỉnh phương án kết nối, khai thác, sử dụng hiệu quả các dữ liệu lớn được các bộ, ngành, các địa phương khác chia sẻ để ứng dụng vào mọi mặt của đời sống chính trị, kinh tế, xã hội của địa phương.

4.4. Ban hành các quy định, văn bản hướng dẫn phù hợp với phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh đối với hoạt động mở, kết nối, chia sẻ dữ liệu của doanh nghiệp cho cộng đồng, xem xét các cơ chế hỗ trợ phù hợp để khuyến khích doanh nghiệp, người dân mở, chia sẻ dữ liệu có giá trị và cùng xây dựng các bộ dữ liệu mở, dữ liệu dùng chung để phục vụ lợi ích chung cho xã hội.

Nội dung thực hiện:

- Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo triển khai các chiến dịch tuyên truyền cho cộng đồng người dân và doanh nghiệp tại tỉnh hiểu chủ trương "mở, kết nối, chia sẻ dữ liệu", hình thành văn hóa chia sẻ sử dụng chung dữ liệu và cùng hưởng các lợi ích mang lại từ dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp.

- Sở Thông tin và Truyền thông căn cứ vào nhu cầu, tình hình thực tế của tỉnh, tham mưu UBND tỉnh ban hành quy định, văn bản chỉ đạo hoạt động mở, kết nối, chia sẻ dữ liệu của doanh nghiệp cho cộng đồng.

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, nghiên cứu và tham mưu cho HĐND, UBND tỉnh phê chuẩn và ban hành các cơ chế hỗ trợ phù hợp để khuyến khích doanh nghiệp, người dân mở, chia sẻ dữ liệu có giá trị.

4.5. Chia sẻ dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của tỉnh khai thác, sử dụng phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành khi có yêu cầu.

Nội dung thực hiện:

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh quy chế thực hiện chia sẻ dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của tỉnh cho bộ, ngành, các địa phương khác khai thác, sử dụng phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành khi có yêu cầu.

- Trên cơ sở tình hình thực tế về hiện trạng kết nối, chia sẻ dữ liệu của tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh xem xét, phê chuẩn việc ban hành quy chế chia sẻ dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của tỉnh cho bộ, ngành, địa phương khác khai thác, sử dụng phục vụ việc liên kết, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành chung.

## **5. Đẩy mạnh ứng dụng các giải pháp trí tuệ nhân tạo trong hành chính công, quản lý đô thị và quản lý xã hội**

5.1. Dịch vụ công trực tuyến toàn trình có ứng dụng AI hỗ trợ trực tuyến người dân

Nội dung thực hiện:

Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh đẩy mạnh ứng dụng AI trong hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

5.2. Đô thị có ứng dụng AI giải quyết ít nhất 1 vấn đề bức thiết của xã hội tại đô thị

Nội dung thực hiện:

Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh hướng dẫn triển khai ứng dụng AI giải quyết các vấn đề bức thiết của xã hội tại các đô thị trực thuộc tỉnh.

5.3. Cơ quan nhà nước mở dữ liệu và có dữ liệu mở theo đúng quy định trên cổng dữ liệu quốc gia, tỉnh để phục vụ phát triển AI ứng dụng cho kinh tế số, xã hội số

Nội dung thực hiện:

Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn tổ chức cung cấp dữ liệu mở theo đúng quy định trên cổng dữ liệu quốc gia, tỉnh theo quy định.

5.4. Xây dựng, triển khai các mô hình AI trong phát triển chính quyền số; ưu tiên các mô hình nâng cao hiệu quả của bộ máy hành chính nhà nước và cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Nội dung thực hiện:

Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện triển khai hoặc đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh xây dựng, triển khai các mô hình trí tuệ nhân tạo trong phát triển chính quyền số theo thẩm quyền; tập trung ứng dụng AI kết hợp CSDL chuyên ngành phát huy hiệu quả công tác quản lý, dự báo; khai thác hiệu quả các hệ thống AI do các bộ, ngành Trung ương triển khai đến các địa phương.

*(Chi tiết phân công nhiệm vụ trọng tâm tại Phụ lục II kèm theo)*

## **IV. GIẢI PHÁP**

### **1. Tổ chức bộ máy, mạng lưới**

a) Sở Thông tin và Truyền thông rà soát, bổ sung chức năng, nhiệm vụ về dữ liệu, làm đầu mối theo dõi thực hiện nhiệm vụ phát triển hạ tầng dữ liệu, phát triển dữ liệu của tỉnh trên tinh thần không phát sinh thêm cơ cấu tổ chức bộ máy.

b) Thiết lập mạng lưới nhân sự hỗ trợ triển khai thực hiện Chiến lược các cấp trên địa bàn tỉnh. Mỗi cơ quan nhà nước phân công một lãnh đạo làm đầu mối phụ trách về dữ liệu, chịu trách nhiệm tổ chức và điều hành hoạt động về phát

triển dữ liệu tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình quản lý; kết hợp mạng lưới cán bộ phụ trách về dữ liệu tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, các hội, hiệp hội nghề nghiệp để đảm bảo việc triển khai thực hiện Chiến lược đồng bộ trong tất cả các ngành, lĩnh vực.

## **2. Bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng**

a) Phối hợp Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai các đề án về tuyên truyền, nâng cao nhận thức, phổ biến kiến thức về dữ liệu số và tổ chức các khóa học trực tuyến đại chúng mở (MOOCs) để bồi dưỡng kỹ năng đại trà cho người dân kiến thức cơ bản về sử dụng và quản lý dữ liệu cá nhân, bảo vệ dữ liệu; bồi dưỡng kiến thức làm việc với dữ liệu và khai thác dữ liệu, giúp người dân tham gia và có kỹ năng, đảm bảo phát triển dữ liệu có chất lượng.

b) Tăng cường bồi dưỡng kiến thức, năng lực cho đội ngũ cán bộ phụ trách về dữ liệu của các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước; xây dựng các chương trình bồi dưỡng, nâng cao trình độ về quản trị, phân tích, lưu trữ, kết nối, chia sẻ dữ liệu để thông qua các khóa bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ chuyên gia về dữ liệu tạo lực lượng nòng cốt, lan tỏa kiến thức, kỹ năng phát triển dữ liệu cho các cơ quan, doanh nghiệp.

c) Tổ chức tập huấn, phổ biến, diễn tập thường niên về đảm bảo an toàn dữ liệu, an ninh thông tin, bảo vệ hạ tầng dữ liệu.

## **3. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực**

a) Triển khai thực hiện các đề án về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực dữ liệu số của bộ, ngành Trung ương.

b) Triển khai các học bổng, tài trợ, khóa thực tập về khoa học dữ liệu do bộ, ngành tổ chức cho cán bộ phụ trách về dữ liệu của các cơ quan, doanh nghiệp.

## **4. Nghiên cứu và phát triển**

Phát triển các mô hình trí tuệ nhân tạo, các thuật toán chuỗi khối ứng dụng cho dữ liệu mở, dữ liệu lớn phù hợp với đặc điểm và nhu cầu của tỉnh.

## **5. Hợp tác nhà nước và doanh nghiệp**

a) Tạo lập môi trường phát triển thị trường dữ liệu lành mạnh, an toàn và đúng pháp luật, qua đó thúc đẩy các dịch vụ dữ liệu, tạo ra thêm nhiều cơ hội việc làm cho người dân.

b) Triển khai phương án nhà nước, doanh nghiệp đặt hàng các trung tâm nghiên cứu, các doanh nghiệp công nghệ phân tích, xử lý số liệu phục vụ mục đích định hướng kinh doanh, hỗ trợ ra quyết định.

c) Ứng dụng một số công cụ thu thập, phân tích dữ liệu sử dụng chung để hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

d) Lựa chọn những lĩnh vực ưu tiên cần hợp tác với doanh nghiệp tạo lập dữ liệu và phát triển thị trường lành mạnh như: du lịch, nông nghiệp, y tế, giáo dục.

## **6. Đo lường, giám sát, đánh giá triển khai**

a) Bổ sung các chỉ số đánh giá về phát triển dữ liệu vào Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi (DTI) của tỉnh.

b) Định kỳ hằng năm công bố kết quả chỉ số đánh về phát triển dữ liệu cùng với Bộ chỉ số (DTI) của tỉnh, làm cơ sở theo dõi, đôn đốc, xếp hạng mức độ phát triển dữ liệu của các cơ quan, địa phương.

## V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có); Huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

## VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Giao làm đầu mối theo dõi thực hiện nhiệm vụ phát triển hạ tầng dữ liệu, phát triển dữ liệu của tỉnh; quản lý, theo dõi giám sát việc khai thác sử dụng dữ liệu hiệu quả của các cơ quan, địa phương.

b) Bổ sung các chỉ số đánh giá về phát triển dữ liệu vào Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi (DTI) của tỉnh để đánh giá kết quả phát triển dữ liệu của các cơ quan, địa phương và theo dõi, đánh giá hằng năm.

c) Hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, địa phương trong việc triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.

d) Tăng cường thông tin, tuyên truyền qua các hình thức đa dạng, phong phú để nâng cao nhận thức của các cấp chính quyền và người dân về vai trò, tầm quan trọng của giá trị dữ liệu, phát triển, khai thác sử dụng, chia sẻ dữ liệu hiệu quả và ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

đ) Tham mưu UBND tỉnh về chủ trương, giải pháp phát triển AI ứng dụng, xác định rõ mục tiêu, nội dung phát triển AI ứng dụng trong Kế hoạch chuyển đổi số hằng năm.

e) Tổ chức đánh giá mức độ sẵn sàng AI của các doanh nghiệp trực thuộc địa bàn, lĩnh vực quản lý. Kết nối các doanh nghiệp có nhu cầu tư vấn, ứng dụng AI chuyên sâu phục vụ sản xuất kinh doanh với các doanh nghiệp phát triển các giải pháp AI để thúc đẩy việc triển khai AI ứng dụng trên địa bàn tỉnh.

### 2. Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ chủ động với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả nội dung Kế hoạch này; báo cáo kết quả triển khai thực hiện (*lồng ghép vào báo cáo kết quả chuyển đổi số định kỳ hoặc đột xuất*) về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp.

b) Tăng cường thông tin, tuyên truyền qua các hình thức đa dạng, phong phú để nâng cao nhận thức của các cấp chính quyền và người dân về vai trò, tầm quan trọng của giá trị dữ liệu, phát triển, khai thác sử dụng, chia sẻ dữ liệu hiệu quả.

c) Tuyên truyền, vận động 100% cán bộ, công chức, viên chức ứng dụng trí tuệ nhân tạo do Bộ, ngành chủ quản triển khai, các nền tảng trí tuệ nhân tạo phổ biến khác nhằm hỗ trợ, phục vụ giải quyết công việc tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Đẩy mạnh ứng dụng các giải pháp trí tuệ nhân tạo trong quản lý đô thị, quản lý xã hội và hành chính công.

### **3. Báo An Giang và Đài Phát thanh và Truyền hình An Giang**

Tăng cường thông tin, tuyên truyền để nâng cao nhận thức của các cấp chính quyền và người dân về vai trò, tầm quan trọng của giá trị dữ liệu, phát triển, khai thác sử dụng, chia sẻ dữ liệu hiệu quả.

### **4. Các doanh nghiệp công nghệ số**

Cung cấp, giới thiệu giải pháp, sản phẩm AI cho các ngành, lĩnh vực, cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh khai thác, sử dụng, trải nghiệm giải pháp, sản phẩm phù hợp với điều kiện thực tế và quy định của pháp luật.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược dữ liệu quốc gia; chiến lược phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh An Giang. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, địa phương báo cáo, đề xuất gửi về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét theo quy định./.

***Nơi nhận:***

- Bộ TTTT;
- TT UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- UBND xã, phường, thị trấn;
- Doanh nghiệp công nghệ số;
- Báo AG, Đài PTTH An Giang;
- Phòng: KGVX;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Hồ Văn Mừng**

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC CÁC THÔNG TIN, DỮ LIỆU ƯU TIÊN TRIỂN KHAI ĐẾN 2025**  
**PHỤC VỤ CÔNG TÁC, CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA CÁC SỞ, NGÀNH VÀ UBND TỈNH**  
*(Kèm theo Kế hoạch số 1410/KH-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

STT	THÔNG TIN, DỮ LIỆU	PHẠM VI	THỜI GIAN	PHÂN TỔ	CƠ QUAN THỰC HIỆN
<b>A</b>	<b>Nhóm chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành hằng ngày, hằng tháng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ</b>				
<b>I</b>	<b>Chỉ số giá</b>				
1	Chỉ số giá tiêu dùng tháng <i>(so với tháng trước; so với tháng 12 năm trước; so với cùng kỳ năm trước)</i>	Tỉnh	Tháng		Cục Thống kê tỉnh An Giang
2	Chỉ số giá tiêu dùng bình quân so với cùng kỳ năm trước	Tỉnh	Tháng		Cục Thống kê tỉnh An Giang
3	Chỉ số giá vật liệu xây dựng <i>(so với kỳ gốc)</i>	Tỉnh	Tháng		Sở Xây dựng
<b>II</b>	<b>Tài chính - ngân sách nhà nước</b>				
1	Thu ngân sách <i>(lũy kế đến kỳ báo cáo; so sánh với dự toán)</i>	Tỉnh,	Quý	Các khoản thu chủ yếu	Sở Tài chính
2	Chi ngân sách <i>(lũy kế đến kỳ báo cáo; so sánh với dự toán)</i>	Tỉnh	Quý	Các khoản chi chủ yếu	Sở Tài chính
3	Giải ngân vốn đầu tư công	Tỉnh	Tháng	Sở, cơ quan / Tỉnh,	Sở KHĐT
4	Thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác NSNN <i>(tổng thu các sắc thuế: thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN, ... các loại phí, lệ phí và khoản thu khác)</i>	Tỉnh	Ngày / Tháng	Phân ngành kinh tế / Sắc thuế	Cục Thuế
5	Xuất nhập khẩu <i>(Trị giá xuất khẩu, nhập khẩu và cán cân thương mại hàng hóa; Số lượng doanh nghiệp xuất nhập khẩu)</i>	Tỉnh	Ngày / Tháng		Cục Thống kê tỉnh An Giang
<b>III</b>	<b>Kế hoạch và Đầu tư</b>				
1	Doanh nghiệp <i>(đang hoạt động; thành lập mới; bổ sung vốn; quay trở lại hoạt động; tạm ngừng kinh doanh; chờ làm thủ tục giải thể; giải thể...)</i>	Tỉnh	Ngày / Tháng	Phân ngành kinh tế (VSIC)	Sở Kế hoạch và Đầu tư

STT	THÔNG TIN, DỮ LIỆU	PHẠM VI	THỜI GIAN	PHÂN TỔ	CƠ QUAN THỰC HIỆN
2	Tình hình đầu tư, sản xuất kinh doanh của các tập đoàn, Tổng Công ty nhà nước ( <i>vốn đầu tư thực hiện, doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách nhà nước, sản phẩm...</i> )	Tỉnh	6 tháng	Tập đoàn, Doanh nghiệp nhà nước	Sở Tài chính
3	Đấu thầu ( <i>gói thầu và giá trị đấu thầu thực hiện; tỷ lệ gói thầu và giá trị đấu thầu qua mạng; tiết kiệm qua đấu thầu...</i> )	Tỉnh	Ngày / Tháng		Sở Kế hoạch và Đầu tư
4	Hợp tác xã, kinh tế tập thể ( <i>đang hoạt động; thành lập mới; vốn điều lệ; giải thể, số lượng thành viên và lao động thường xuyên...</i> )	Tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
5	Khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu ( <i>thành lập, điều chỉnh; thu hút đầu tư; đầu tư kết cấu hạ tầng; bảo vệ môi trường; tình hình sản xuất kinh doanh...</i> )	Tỉnh	Tháng		Ban Quản lý Khu Kinh tế
6	Đầu tư nước ngoài ( <i>vốn thực hiện; tình hình sản xuất kinh doanh; đăng ký đầu tư, bao gồm đầu tư mới, điều chỉnh vốn, góp vốn mua cổ phần...</i> )	Tỉnh	Ngày / Tháng	Phân ngành kinh tế / Đối tác đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư/Ban Quản lý Khu kinh tế
7	Dự án đầu tư công ( <i>số lượng dự án; tổng vốn đầu tư; giải ngân theo dự án...</i> )	Tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
<b>IV</b>	<b>Công Thương</b>				
1	Chỉ số sản xuất công nghiệp	Tỉnh	Tháng		Sở Công thương
2	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu	Tỉnh	Tháng		Sở Công thương
<b>V</b>	<b>Nông nghiệp</b>				
1	Xuất khẩu ngành nông nghiệp	Tỉnh	Tháng	Nước, vùng lãnh thổ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Nhập khẩu ngành nông nghiệp	Tỉnh	Tháng	Nước, vùng lãnh thổ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	Xuất khẩu gạo	Tỉnh	Tháng	Nước, vùng lãnh thổ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	THÔNG TIN, DỮ LIỆU	PHẠM VI	THỜI GIAN	PHÂN TỐ	CƠ QUAN THỰC HIỆN
4	Sản lượng lúa, gạo	Tỉnh	Tháng		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới ( <i>nâng cao, kiểu mẫu...</i> )	Tỉnh	Tháng		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Số huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới	Tỉnh	Tháng		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7	Diện tích rừng bị thiệt hại ( <i>bị chặt phá, bị cháy...</i> )	Tỉnh	Tháng		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
8	Diện tích rừng trồng mới tập trung	Tỉnh	Tháng		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
<b>VI</b>	<b>Xây dựng</b>				
1	Nhà ở và thị trường bất động sản ( <i>số lượng, diện tích công trình xây dựng nhà ở ...</i> )	Tỉnh	Quý/Năm	Phân loại công trình	Sở Xây dựng
<b>VII</b>	<b>Giao thông vận tải</b>				
1	Dự án quan trọng, công trình trọng điểm của ngành giao thông vận tải ( <i>dự án; tổng vốn đầu tư; giải ngân; tiến độ thực hiện, vướng mắc, kiến nghị...</i> )	Dự án	Tháng		Sở Giao thông vận tải
<b>VIII</b>	<b>Các ngành dịch vụ</b>				
1	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ( <i>bán lẻ hàng hóa, dịch vụ lưu trú ăn uống, dịch vụ lữ hành, dịch vụ kinh doanh bất động sản, dịch vụ khác</i> )	Tháng	Tháng	Nhóm hàng chủ yếu	Sở Công thương
2	Số lượt khách du lịch nội địa	Tỉnh	Tháng		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
4	Vận tải hành khách ( <i>vận chuyển, luân chuyển...</i> )	Trong	Tháng	Phương thức vận	Sở GTVT

STT	THÔNG TIN, DỮ LIỆU	PHẠM VI	THỜI GIAN	PHÂN TỐ	CƠ QUAN THỰC HIỆN
		nước		tải	
5	Vận tải hàng hóa ( <i>vận chuyển, luân chuyển...</i> )	Trong nước	Tháng	Phương thức vận tải	Sở GTVT
6	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải	Tỉnh	Tháng		Sở GTVT
7	Thương mại điện tử ( <i>doanh thu, tốc độ tăng trưởng, quy mô thị trường...</i> )	Tỉnh	Tháng		Sở Công Thương
<b>IX</b>	<b>Bảo hiểm xã hội</b>				
1	Số người tham gia BHXH, BHYT, BHTN	Tỉnh	Tháng / Quý / Năm	BHXH BHYT, BHTN,	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam tỉnh An Giang
2	Số người hưởng BHXH, BHYT, BHTN	Tỉnh	Tháng / Quý / Năm	BHXH BHYT, BHTN,	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam tỉnh An Giang
3	Thu BHXH, BHYT, BHTN	Tỉnh	Tháng / Quý / Năm	BHXH BHYT, BHTN,	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam tỉnh An Giang
4	Chi trả BHXH, BHYT, BHTN	Tỉnh	Tháng/ Quý / Năm	BHXH BHYT, BHTN,	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam tỉnh An Giang
<b>X</b>	<b>Lao động, việc làm, giáo dục và đào tạo</b>				
1	Lao động ( <i>tạo việc làm mới, xuất khẩu lao động, lao động người nước ngoài làm việc tại Việt Nam...</i> )	Tỉnh	Tháng	Nước, vùng lãnh thổ	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
2	Giáo dục nghề nghiệp ( <i>cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tuyển mới, tốt nghiệp, lao động qua đào tạo nghề...</i> )	Tỉnh	Tháng	Công lập/ ngoài công lập, giới tính, dân tộc, trình độ chuyên môn	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
3	Bảo trợ xã hội ( <i>Số người được trợ cấp xã hội; số người đang</i>	Cả nước/	Tháng/ Quý/	Cả nước/ Tỉnh,	Sở Lao động,

STT	THÔNG TIN, DỮ LIỆU	PHẠM VI	THỜI GIAN	PHÂN TỔ	CƠ QUAN THỰC HIỆN
	<i>được nuôi dưỡng, chăm sóc tại cơ sở trợ giúp xã hội; số người, hộ gia đình được hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng...)</i>	Tỉnh, thành phố	Năm	thành phố	Thương binh và Xã hội
4	Giáo dục và đào tạo ( <i>Giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục đại học, giáo dục thường xuyên</i> )	Tỉnh	Tháng 4, 7 và 11 hằng năm	Công lập, ngoài công lập, giới tính, dân tộc	Sở Giáo dục và Đào tạo
<b>XI</b>	<b>Nội vụ - Cải cách hành chính, chuyển đổi số</b>				
1	Công chức ( <i>Số lượng biên chế hưởng lương từ NSNN; Số biên chế có mặt; số tuyển mới, số nghỉ hưu, thôi việc</i> )	Tỉnh	Năm		Sở Nội vụ
2	Viên chức ( <i>số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN được giao; số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp được giao; số lượng thực hiện; số tuyển mới, số nghỉ hưu, thôi việc</i> )	Tỉnh	Năm		Sở Nội vụ
3	Tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Tỉnh	Tháng		Sở Thông tin và Truyền thông
4	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng dịch vụ công tỉnh	Tỉnh	Tháng		Sở Thông tin và Truyền thông
5	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công tỉnh	Tỉnh	Tháng		Sở Thông tin và Truyền thông
6	Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa quy định, chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh	Sở, ngành, huyện	Tháng		Văn phòng UBND tỉnh
7	Nhóm chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử	Sở, ngành, huyện	Tháng		Văn phòng UBND tỉnh
8	Nhóm chỉ số theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao	Sở, ngành, huyện	Tháng		Văn phòng UBND tỉnh
<b>B.</b>	<b>Nhóm chỉ số theo dõi nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm</b>				

STT	THÔNG TIN, DỮ LIỆU	PHẠM VI	THỜI GIAN	PHÂN TỔ	CƠ QUAN THỰC HIỆN
1	Tốc độ tăng GRDP của tỉnh	Tỉnh	Quý / Năm		Sở Kế hoạch và Đầu tư/ Cục Thống kê tỉnh An Giang
2	GRDP bình quân đầu người	Tỉnh	Năm		Sở Kế hoạch và Đầu tư/ Cục Thống kê tỉnh An Giang
3	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP	Tỉnh	Quý / Năm		Sở Kế hoạch và Đầu tư/ Cục Thống kê tỉnh An Giang
4	Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân	Tỉnh	Tháng / Năm		Cục Thống kê tỉnh An Giang
7	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	Tỉnh	Quý / Năm		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
	- Trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ	Tỉnh	Quý / Năm		
8	Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị	Tỉnh	Quý / Năm		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
9	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều	Tỉnh	Năm		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
10	Số bác sĩ trên 10.000 dân	Tỉnh	Năm		Sở Y tế
11	Số giường bệnh trên 10.000 dân	Tỉnh	Năm		Sở Y tế
12	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	Tỉnh	Quý / Năm		Sở Y tế
13	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Tỉnh	Quý / Năm		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông

STT	THÔNG TIN, DỮ LIỆU	PHẠM VI	THỜI GIAN	PHÂN TỔ	CƠ QUAN THỰC HIỆN
					thôn
14	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	Tỉnh	Quý / Năm		Sở Tài nguyên và Môi trường
15	Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	Tỉnh	Năm		Ban QL KKT
C	<b>Nhóm chỉ số theo dõi tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án trọng điểm quốc gia đến năm 2025</b>				
1	Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới	Tỉnh	Tháng / Quý / Năm		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	Tỉnh	Tháng / Quý / Năm		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
3	Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc và miền núi	Tỉnh	Tháng / Quý / Năm		Ban Dân tộc
D	<b>Nhóm chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành trong các tình huống khẩn cấp như thiên tai, dịch bệnh, ứng phó và tìm kiếm cứu nạn</b>				
1	Các thông tin về khí tượng thủy văn ( <i>số liệu quan trắc khí tượng, số liệu quan trắc thủy văn, số liệu quan trắc hải văn, số liệu quan trắc ra đa thời tiết... nhóm các bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn</i> ).	Tỉnh	Giờ / Ngày / Tháng		Sở Tài nguyên và Môi trường
2	Các thông tin về công trình phòng chống thiên tai ( <i>hồ chứa thủy lợi, thủy điện, đê điều, sạt lở bờ sông, bờ biển</i> )	Tỉnh	Giờ / Ngày / Tháng		Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn / Tập đoàn Điện lực Việt Nam
3	Các thông tin dữ liệu về giao thông vận tải ( <i>điểm có nguy cơ sạt lở, sạt lở, bao gồm tọa độ, chiều dài, phương án xử lý...</i> )	Cả nước / Tỉnh	Tháng		Sở Giao thông vận tải

STT	THÔNG TIN, DỮ LIỆU	PHẠM VI	THỜI GIAN	PHÂN TỔ	CƠ QUAN THỰC HIỆN
		thành phố			

\* **Ghi chú:** Danh mục thông tin, dữ liệu sẽ được rà soát, cập nhật, sửa đổi thường xuyên khi có thay đổi đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương khi triển khai./.

**Phụ lục II**  
**DANH MỤC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**  
**CHIẾN LƯỢC DỮ LIỆU QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG**  
*(Kèm theo Kế hoạch số 1410/KH-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Xây dựng quy chế, quy định</b>				
1	Thực hiện rà soát, bổ sung, sửa đổi Danh mục dữ liệu mở của ngành, lĩnh vực, địa phương; triển khai xây dựng và cung cấp dữ liệu mở cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân tra cứu, khai thác sử dụng phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	2024-2025	
2	Ban hành Danh mục dữ liệu lớn và Kế hoạch phát triển dữ liệu lớn thuộc phạm vi quản lý của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	2024-2025	
3	Xây dựng và ban hành quy chuẩn đối với từng loại dữ liệu thuộc danh mục dữ liệu lớn của ngành, lĩnh vực, địa phương; quy định kỹ thuật về cấu trúc dữ liệu, quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu của các cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	2024-2030	
<b>II</b>	<b>Phát triển hạ tầng dữ liệu</b>				
1	Triển khai Cổng dữ liệu của tỉnh theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP của Chính phủ, tích hợp với Cổng dữ liệu quốc gia. Tận dụng tối đa cơ sở hạ tầng mạng triển khai Chính quyền số sẵn có tại tỉnh; ưu tiên sử dụng phương án thuê dịch vụ trong quá trình triển khai xây dựng Cổng dữ liệu	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	2024-2030	
2	Xây dựng và củng cố, hoàn thiện các hạ tầng thu thập và truyền tải dữ liệu tại tỉnh. Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai Chính quyền số gắn kết với phát triển đô thị thông minh, giao thông thông minh, nông nghiệp	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	Thường xuyên	

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	thông minh, quan trắc tài nguyên, môi trường,... tại tỉnh; kết hợp tối đa với hạ tầng do các tổ chức, cá nhân đã đầu tư, bảo đảm triển khai hiệu quả, tránh chồng chéo, lãng phí				
3	Duy trì việc kết nối Nền tảng điện toán đám mây của tỉnh với Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ theo mô hình do Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn đồng thời kết nối với đám mây của các doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ Chính quyền số để đảm bảo việc lưu trữ, liên thông chia sẻ dữ liệu sử dụng chung của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên	
<b>III</b>	<b>Phát triển dữ liệu</b>				
1	Thu thập, củng cố và hoàn thiện dữ liệu chủ, cơ sở dữ liệu dùng chung trong cơ sở dữ liệu của tỉnh, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ ứng dụng dịch vụ Chính quyền số trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	Thường xuyên	
2	Xây dựng, cung cấp nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu cấp tỉnh để lưu trữ tập trung, hướng tới việc hình thành kho dữ liệu dùng chung của tỉnh phục vụ công tác chỉ đạo điều hành và phát triển kinh tế xã hội	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	2024-2030	
3	Phát triển nguồn dữ liệu lớn và xây dựng hồ dữ liệu của tỉnh. Thu thập và khai thác, làm giàu nguồn dữ liệu lớn phát sinh trong các hoạt động của tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên	
4	Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định; thu thập, phát triển dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành của lãnh đạo các cấp	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông; Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	
<b>IV</b>	<b>Phát triển kết nối, chia sẻ dữ liệu</b>				
1	Hoàn thiện nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh kết nối liên thông với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND	2024-2025	

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
			huyện, thị xã, thành phố		
2	Hợp tác xây dựng các bộ dữ liệu lớn theo vùng, miền để cùng tích hợp, chia sẻ, tận dụng tài nguyên dữ liệu dùng chung cho các tỉnh, thành phố thuộc vùng, miền có những đặc trưng và lợi thế tương đồng. Thiết lập chuỗi giá trị trên cơ sở khai thác dữ liệu liên vùng để thúc đẩy phát triển kinh tế	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	Thường xuyên	
3	Chia sẻ dữ liệu lớn của tỉnh với các bộ, ngành, các địa phương khác và từng bước đưa dữ liệu lớn vào ứng dụng trong mọi mặt của đời sống chính trị, kinh tế, xã hội của tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	Thường xuyên	
4	Ban hành các quy định, văn bản hướng dẫn phù hợp với phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh đối với hoạt động mở, kết nối, chia sẻ dữ liệu của doanh nghiệp cho cộng đồng, xem xét các cơ chế hỗ trợ phù hợp để khuyến khích doanh nghiệp, người dân mở, chia sẻ dữ liệu có giá trị và cùng xây dựng các bộ dữ liệu mở, dữ liệu dùng chung để phục vụ lợi ích chung cho xã hội	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên	
5	Chia sẻ dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của tỉnh khai thác, sử dụng phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành khi có yêu cầu	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	Thường xuyên	
<b>V</b>	<b>Đẩy mạnh ứng dụng các giải pháp trí tuệ nhận tạo trong quản lý đô thị, quản lý xã hội và hành chính công</b>				
1	Dịch vụ công trực tuyến toàn trình có ứng dụng AI hỗ trợ trực tuyến người dân	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn	2024 - 2030	Thực hiện 30% năm 2024 và 100% đến năm 2030
2	Đô thị có ứng dụng AI giải quyết ít nhất 1 vấn đề bức thiết của xã hội tại đô thị	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND	2024 - 2030	Thực hiện 20% năm

<b>TT</b>	<b>Nhiệm vụ</b>	<b>Cơ quan chủ trì</b>	<b>Cơ quan phối hợp</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
			huyện, thị xã, thành phố		2024 và 100% đến năm 2030
3	Cơ quan nhà nước mở dữ liệu và có dữ liệu mở theo đúng quy định trên cổng dữ liệu quốc gia, để phục vụ phát triển AI ứng dụng cho kinh tế số, xã hội số	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn	2024 - 2030	Thực hiện 20% năm 2024 và 100% đến năm 2030
4	Xây dựng, triển khai các mô hình trí tuệ nhân tạo trong phát triển chính quyền số; ứng dụng AI kết hợp CSDL Chuyên ngành phát huy hiệu quả công tác quản lý, dự báo; Khai thác hiệu quả các hệ thống AI do các bộ, ngành Trung ương triển khai đến các địa phương	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	2024 - 2030	

Danh mục gồm 05 nhóm nhiệm vụ và 19 nhiệm vụ cụ thể./.